

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3755143 **Fax:** 0650.3755415

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Kim Ngân – Thư ký công ty

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét.
- Giải trình số liệu lũy kế từ đầu năm 2017 tại Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 đã công bố chênh lệch so với Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2017 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được soát xét.
- Công văn giải trình.



Đoàn Thị Kim Ngân.

Số: 39/CV-HDQT

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

(V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm
2017 giảm 36% so với cùng kỳ năm trước)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0650.3755143 Fax: 0650.3755415
Email: ngandtk@protradegarment.com
- Mã chứng khoán: **BDG**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương.

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương xin giải trình về việc chênh lệch giảm 36% lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2017 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2017: 29.312.349.105 đồng
- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2016 và tháng 12 năm 2015 : 45.948.886.322 đồng

Nguyên nhân:

- Do ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần là ngày 01/12/2015 nên Công ty đã xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông gộp tháng 12 vào niên độ kế toán năm 2016, vì vậy báo cáo bán niên năm 2016 của Công ty bao gồm 7 tháng, nhiều hơn so với 6 tháng năm 2017 là 1 tháng.
- Trong 6 tháng đầu năm 2017 mặc dù thị trường Châu Âu ổn định nhưng thị trường Mỹ bị suy giảm nên doanh thu của công ty sụt giảm kéo theo lợi nhuận giảm.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh dẫn đến giảm lợi nhuận trong báo cáo tài chính bán niên 2017 so với 6 tháng 2016 của Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 40/CV-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2017

(V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2017 tăng 10,4% so với lợi nhuận lũy kế trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0650.3755143 Fax: 0650.3755415
Email: ngandtk@protradegarment.com
- Mã chứng khoán: **BDG**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương.

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương xin giải trình về việc chênh lệch tăng 10,4% lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2017 so với lợi nhuận lũy kế trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố.

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2017 trên Báo cáo chính bán niên được soát xét: 29.312.349.105 đồng
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế trên báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 đã công bố : 26.258.778.952 đồng

Nguyên nhân:

- Do kiểm toán thực hiện các bút toán điều chỉnh giảm tạm trích lương tháng 13 và bỏ bút toán dự phòng quỹ tiền lương 17% cho toàn bộ phần tạm trích lương tháng 13 nên chi phí giảm dẫn đến lợi nhuận tăng.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu tác động đến chênh lệch tăng 10,4% lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2017 so với lợi nhuận lũy kế trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố của Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06 - 34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 34

0111
CHI
CÔNG
HÃNG
LÊN 4

N:37
C
C
MA
BÌNH
LÊN AN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

105-4

NHÀ
TỶ T
KIỂM
AASC

PH. HỒ

0078

ÔNG
PH.
Y.M.
DƯ

V.T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An,
tỉnh Bình Dương

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2017

06-C.1
NH
HH
TOÁN
CHI MINH

9438-0
TY
VN
C
NG
NH DƯ

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 19 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 07 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính về việc đến thời điểm phát hành báo cáo này, khoản cho vay Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty vẫn chưa được thu hồi. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi Kết luận của Kiểm toán viên nêu trên.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

CHI
CÔNG
IANG
IN 4-T

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		462.824.342.210	410.085.599.482
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	56.757.120.336	128.277.807.524
111	1. Tiền		44.757.120.336	25.592.807.524
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000	102.685.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	33.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		33.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		149.237.981.013	123.653.687.989
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	124.873.526.112	86.553.549.489
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	961.919.854	2.373.930.579
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	18.266.362.000	30.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	5.349.813.455	4.726.207.921
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(213.640.408)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	210.650.038.359	142.576.619.054
141	1. Hàng tồn kho		210.650.038.359	142.576.619.054
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.179.202.502	15.577.484.915
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.974.564.862	1.860.556.457
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.204.637.640	13.716.928.458
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.031.608.784	94.849.276.310
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		27.251.345.014	27.251.345.014
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	27.251.345.014	27.251.345.014
220	II. Tài sản cố định		58.420.039.518	57.963.527.402
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	58.353.789.604	57.884.027.496
222	- Nguyên giá		216.174.056.104	210.269.143.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(157.820.266.500)	(152.385.115.873)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	66.249.914	79.499.906
228	- Nguyên giá		6.518.749.711	6.518.749.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.452.499.797)	(6.439.249.805)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	261.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	261.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	4.055.037.967	4.055.037.967
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.055.037.967	4.055.037.967
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.305.186.285	5.318.365.927
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.305.186.285	5.318.365.927
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		557.855.950.994	504.934.875.792

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		382.873.019.225	329.391.228.049
310	I. Nợ ngắn hạn		382.840.828.692	329.359.037.516
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	95.231.760.299	63.670.685.497
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		97.811.576	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.859.336.490	2.130.021.760
314	4. Phải trả người lao động		56.049.377.611	70.795.317.786
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.289.261.293	268.738.355
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.324.740.705	638.246.598
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	205.861.433.622	188.779.385.177
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.127.107.096	3.076.642.343
330	II. Nợ dài hạn		32.190.533	32.190.533
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		32.190.533	32.190.533
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.982.931.769	175.543.647.743
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	174.982.931.769	175.543.647.743
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.341.331.348	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.511.266.162	55.413.313.484
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.198.917.057	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		29.312.349.105	55.413.313.484
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		557.855.950.994	504.934.875.792

Đoàn Thị Kim Ngân
Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Từ ngày 01/12/2015
			2017	đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	542.203.019.302	812.299.961.107
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	6.159.407.209	2.791.852.435
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	536.043.612.093	809.508.108.672
11	4. Giá vốn hàng bán	24	463.101.950.011	691.475.945.587
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		72.941.662.082	118.032.163.085
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	6.689.390.034	7.894.265.728
22	7. Chi phí tài chính	26	5.542.224.625	8.220.766.120
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.566.734.479	3.075.132.803
25	8. Chi phí bán hàng	27	9.663.851.840	8.181.451.766
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	30.861.638.660	52.590.830.046
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.563.336.991	56.933.380.881
31	11. Thu nhập khác	29	3.616.574.405	1.384.177.883
32	12. Chi phí khác	30	3.485.919	63.944.515
40	13. Lợi nhuận khác		3.613.088.486	1.320.233.368
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.176.425.477	58.253.614.249
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	7.864.076.372	12.304.727.927
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>29.312.349.105</u>	<u>45.948.886.322</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	-	-

Đoàn Thị Kim Ngân
Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Từ ngày 01/12/2015
			2017	đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.176.425.477	58.253.614.249
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.448.400.619	5.629.526.453
03	- Các khoản dự phòng		213.640.408	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		393.274.440	(79.358.088)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.396.542.461)	(2.872.030.361)
06	- Chi phí lãi vay		1.566.734.479	3.075.132.803
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		41.401.932.962	64.006.885.056
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(32.047.948.783)	139.068.659.377
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(68.073.419.305)	13.590.387.072
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		29.700.160.538	(1.274.941.217)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.100.828.763)	8.464.323.482
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.543.423.110)	(3.182.392.140)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.118.256.605)	(3.734.621.869)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.499.998.648
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.822.600.326)	(6.605.916.094)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.604.383.392)	211.832.382.315
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.643.912.735)	(3.605.555.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	15.562.198
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(33.000.000.000)	(87.251.345.014)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.733.638.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.544.844.142	3.154.126.940
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.365.430.593)	(87.687.210.876)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Từ ngày 01/12/2015
			2017	đến ngày 30/06/2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		444.649.359.929	603.563.312.487
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(428.010.638.630)	(659.695.651.914)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(24.194.833.575)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(7.556.112.276)</i>	<i>(56.132.339.427)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(71.525.926.261)	68.012.832.012
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		128.277.807.524	36.319.314.658
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.239.073	79.358.088
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>56.757.120.336</u>	<u>104.411.504.758</u>

Đoàn Thị Kim Ngân
Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân
Kế toán trưởng



Phan Thành Đức
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2017

105-
NHÀ
C TY T
KIỂM
AASC
P HỒ
10078
CÔNG
CỔ PH
MAY N
NH DI
AN-T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 120.000.000.000 VND; tương đương 12.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng 2017, mức tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu giảm, số liệu so sánh kỳ trước là 07 tháng đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, do đó doanh thu kỳ này giảm so với kỳ trước.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

106-C
NH
NHH
TOÁN
CHỈ M

9438-C...
TY
ÁN
ÁC
ĐƯƠNG
BÌNH DƯƠNG

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ước tính theo số lượng sản phẩm dở dang và định mức chi phí sản xuất tại mỗi công đoạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 - 08 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 20 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản nợ vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, tiền thuê đất... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

105-4
NHÀ
TY TI
KIỂM
ASC
PHỐ
76943
NG TY
PHẢI
Y MẶ
H ĐỨC
AN-T.F

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

06-C
NH
IHH
TOÁN
CHI M

3-C.T
C
NG
INH D

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	114.010.460	306.092.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.643.109.876	25.286.715.303
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	102.685.000.000
	<u><u>56.757.120.336</u></u>	<u><u>128.277.807.524</u></u>

(*) Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 12.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	33.000.000.000	33.000.000.000	-	-
	33.000.000.000	33.000.000.000	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-
- Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương ⁽¹⁾	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân ⁽²⁾	-	-	-	-
	4.055.037.967	-	4.055.037.967	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết⁽¹⁾ Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương	Bình Dương	29,80%	29,80%	May mặc

Đầu tư vào đơn vị khác

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 VND do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân tại ngày 30/06/2017 là 13,19%. Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động, và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Pacific Sunwear Of California, Inc	59.166.026.834	2.615.330.319
- Olymp Bezner GMBH & Co.KG Hopfighemer	21.057.574.373	11.839.988.316
- Rerv Inc DbA Rock Revival	14.013.979.835	20.402.145.967
- Goldmark Development Ltd	11.241.427.262	3.784.387.540
- Công ty CP Canifa	4.829.482.956	-
- EVOLUTION 3 LIMITED	4.828.402.364	-
- Sweet People Apparel, Inc DbA Miss Me	4.660.423.056	34.568.260.247
- Pacificways Limited	-	312.906.092
- Phoenix Textile	-	4.554.237.312
- Doojin Yangchang Co, Ltd	-	1.995.165.960
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.076.209.432	6.481.127.736
	124.873.526.112	86.553.549.489

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH May Thời trang Sài Gòn	269.854.200	-	-	-
- Công ty CP Phần mềm Rosy	218.352.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	110.994.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Minh Hương	100.000.000	-	-	-
- Juki Singapore Pte Ltd	-	-	956.643.834	-
- Tianjin Tiange Textile Co., Ltd	-	-	311.672.611	-
- Công ty TNHH An Phát	-	-	192.871.315	-
- Wide Way Textile Ltd	-	-	174.189.753	-
- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Sông Bé	-	-	300.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	262.719.654	-	438.553.066	-
	961.919.854	-	2.373.930.579	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV (*)		
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	18.266.362.000	30.000.000.000
- Phải thu về cho vay dài hạn	27.251.345.014	27.251.345.014
	45.517.707.014	57.251.345.014

105.
NH
TY
KIẾN
AASI
P.H.C10076
CÔNG
CỔ PHẦN
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG
THUN AN

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay :

Hợp đồng tín dụng số 01/HĐVV ngày 03/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 87.251.345.014 VND;
- Thời hạn vay được tính từ ngày 03/12/2015 đến hết ngày 31/12/2018 với lịch trả nợ gốc như sau:
 - + Trễ nhất ngày 31/12/2016: 30.000.000.000 VND;
 - + Trễ nhất ngày 31/12/2017: 30.000.000.000 VND;
 - + Trễ nhất ngày 31/12/2018: 27.251.345.014 VND;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng bằng đồng Việt Nam bình quân trong năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP HCM của loại tiền gửi có kỳ hạn 1 năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 45.517.707.014 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp;

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.747.167.228	-	895.468.909	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	618.499.998	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	689.813.639	-	2.688.109.698	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	133.035.488	-	129.020.388	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	88.690.325	-	86.013.712	-
- Tạm ứng	1.003.529.516	-	859.570.228	-
- Phải thu khác	69.077.261	57.304.441	68.024.986	-
	5.349.813.455	57.304.441	4.726.207.921	-

9 . NỢ XÁU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Ông Đoàn Trường Khánh	57.304.441	-	-	-
- PACIFICWAYS LIMITED	312.671.933	156.335.966	-	-
	369.976.374	156.335.966	-	-

006-C
NH
NH
TOÁN
CHỈ M

9438-
TY
LÂN
MẶC
DƯƠNG
T. BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	110.343.292.552	-	80.251.388.567	-
Công cụ, dụng cụ	228.765.553	-	208.537.371	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	97.953.312.232	-	59.284.793.558	-
Thành phẩm	2.124.668.022	-	2.831.899.558	-
	210.650.038.359	-	142.576.619.054	-

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	51.766.793.024	136.043.703.348	12.274.427.316	10.184.219.681
- Mua trong kỳ	-	3.571.453.685	1.030.527.028	726.167.722
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	576.764.300	-	-	-
Số dư cuối kỳ	52.343.557.324	139.615.157.033	13.304.954.344	10.910.387.403
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	34.056.455.193	104.245.391.813	7.462.574.326	6.620.694.541
- Khấu hao trong kỳ	1.451.342.897	3.147.986.341	418.953.799	416.867.590
Số dư cuối kỳ	35.507.798.090	107.393.378.154	7.881.528.125	7.037.562.131
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	17.710.337.831	31.798.311.535	4.811.852.990	3.563.525.140
Tại ngày cuối kỳ	16.835.759.234	32.221.778.879	5.423.426.219	3.873.825.272

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.539.344.702 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức I, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
Số dư cuối kỳ	<u>530.000.000</u>	<u>5.988.749.711</u>	<u>6.518.749.711</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	450.500.094	5.988.749.711	6.439.249.805
- Khấu hao trong kỳ	13.249.992	-	13.249.992
Số dư cuối kỳ	<u>463.750.086</u>	<u>5.988.749.711</u>	<u>6.452.499.797</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	79.499.906	-	79.499.906
Tại ngày cuối kỳ	<u>66.249.914</u>	<u>-</u>	<u>66.249.914</u>

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.988.749.711 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.967.932.065	1.800.033.596
Phí bảo hiểm cháy nổ	-	59.552.984
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	6.632.797	969.877
	<u>2.974.564.862</u>	<u>1.860.556.457</u>
b) Dài hạn		
Phân bổ công cụ dụng cụ	3.178.305.285	3.167.223.927
Thẻ hội viên sân Golf	2.126.881.000	2.151.142.000
	<u>5.305.186.285</u>	<u>5.318.365.927</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Sky Ahead Limited	9.486.719.994	9.486.719.994	11.574.506.044	11.574.506.044
- Công ty TNHH Twin Dragon Marketing	12.266.687.875	12.266.687.875	3.851.176.183	3.851.176.183
- Công ty TCE Corporation	5.334.100.200	5.334.100.200	4.765.642.584	4.765.642.584
- Công ty CP Gia công Hoàn thiện May mặc Bình Dương	436.937.819	436.937.819	1.156.223.112	1.156.223.112
- Công ty Cổ phần May thêu Phát Đạt	5.213.892.994	5.213.892.994	6.135.001.092	6.135.001.092
- Công ty Itochu Corporation	7.358.863.020	7.358.863.020	-	-
- Công ty CP May mặc và Giặt Lẻ và Lê	7.005.443.759	7.005.443.759	15.887.481.236	15.887.481.236
- Olymp Bezner KG Hopfighmer	8.770.003.884	8.770.003.884	-	-
- Công ty TNHH May mặc Quốc tế VIETHSING	6.812.857.528	6.812.857.528	-	-
- CHARME SRL-BRAND PROFILO TESSILE	6.658.151.107	6.658.151.107	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	25.888.102.119	25.888.102.119	20.300.655.246	20.300.655.246
	95.231.760.299	95.231.760.299	63.670.685.497	63.670.685.497
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)	436.937.819	436.937.819	1.156.223.112	1.156.223.112

HÀNG
TY TNHH
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG
HỒ CHÍ MINH

07694
CÔNG TY TNHH
MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.100.979.233	1.100.979.233	-	-	1.100.979.233	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	618.181.132	618.181.132	-	-	618.181.132	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.087.245.760	7.864.076.372	7.864.076.372	-	-	5.118.256.605	-	-	4.833.065.527	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	42.776.000	1.122.191.865	1.122.191.865	-	-	1.138.696.902	-	-	26.270.963	-	-
Các loại thuế khác	-	-	205.745.650	205.745.650	-	-	205.745.650	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-	7.000.000	-	-	-	-	-
	-	2.130.021.760	10.918.174.252	10.918.174.252	-	-	8.188.859.522	-	-	4.859.336.490	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	212.049.724	188.738.355
- Chi phí thuê đất, tài sản	2.466.997.795	-
- Trích trước chi phí wash	7.284.873.035	-
- Trích trước chi phí khác	1.325.340.739	80.000.000
	11.289.261.293	268.738.355

17 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	136.248.577	97.235.422
- Bảo hiểm y tế	110.473.457	42.711.201
- Phải nộp cho Tổng Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty TNHH MTV tiên Kinh phí công đoàn	1.237.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	841.018.671	194.833.575
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	303.466.400	303.466.400
	2.324.740.705	638.246.598

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VAY NGẮN HẠN

STT	Ngân hàng	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	99.842.308.136	99.842.308.136	210.630.315.185	172.817.203.580	137.655.419.741	137.655.419.741
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	16.713.070.187	16.713.070.187	19.818.900.687	26.350.802.806	10.181.168.068	10.181.168.068
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	72.224.006.854	72.224.006.854	214.200.144.057	228.399.305.098	58.024.845.813	58.024.845.813
		188.779.385.177	188.779.385.177	444.649.359.929	427.567.311.484	205.861.433.622	205.861.433.622
	Hợp đồng vay	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2017	30/06/2017	VND
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	số 17.2900216/2017-HDCVHM/NHCT900-MMBD ngày 30/06/2017	300 tỷ VND	Không quá 6 tháng	Máy móc thiết bị	6.045.472,98	137.655.419.741
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 057B16 ngày 22/08/2016	70 tỷ VND	Không quá 6 tháng	Máy móc thiết bị	447.130,79	10.181.168.068
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	01/2017/4675359/HDTD ngày 12/06/2017	300 tỷ VND	Không quá 6 tháng	(*)	2.548.302,42	58.024.845.813

Các khoản vay có lãi suất từ 2%/năm - 2,5%/năm, toàn bộ các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(*) Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất của Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quy đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	120.000.000.000	130.334.259	-	-	-	-	-	120.130.334.259	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	45.948.886.322	45.948.886.322	
Số dư cuối kỳ trước	120.000.000.000	130.334.259	-	-	-	-	45.948.886.322	166.079.220.581	
Số dư đầu kỳ này	120.000.000.000	130.334.259	-	-	-	-	55.413.313.484	175.543.647.743	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	29.312.349.105	29.312.349.105	
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.873.065.079)	(5.873.065.079)	
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	7.341.331.348	-	(7.341.331.348)	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)	
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	130.334.259	-	-	7.341.331.348	-	47.511.266.162	174.982.931.769	

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-HĐCĐ/2017 ngày 25/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016	100	73.413.313.484
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00	7.341.331.348
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00	5.873.065.079
Chi trả cổ tức (bằng 35% vốn điều lệ)	57,21	42.000.000.000
- <i>Đã tạm ứng cổ tức trong năm 2016</i>	24,52	18.000.000.000
- <i>Chi trả cổ tức trong kỳ này</i>	32,69	24.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	24,79	18.198.917.057

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	30,00	36.000.000.000	30,00	36.000.000.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	10,00	12.000.000.000	10,00	12.000.000.000
- Cổ đông khác	11,11	13.331.810.000	11,11	13.331.810.000
	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 30/06/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	120.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.000.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	24.000.000.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.341.331.348	-
	7.341.331.348	-

05-0

NHAI
TY T
KIEM
ASC

HỒ

7.007

CÔNG
CỔ P
MAY
BÌNH

THUN AN

